UBND HUYỆN TAM NÔNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ PHÚ CƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP LẦN ĐẦU[1]
(Ngày 12 tháng 3 năm 2021)[2]

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **Lê Thị Sơn Ân** Ngày tháng năm sinh: 25/01/1972

- Chức vụ/chức danh công tác: Hiệu trưởng

- Cơ quan/đơn vị công tác: Trường Trung học cơ sở Phú Cường, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- Nơi thường trú: Khóm 4, TT tràm Chim, Tam Nông, Đồng Tháp (Khu tập thể trường cấp 3 Tràm Chim)

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân[3]: 087172010387 ngày cấp 10/05/2021 nơi cấp Công an Đồng Tháp .

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập (mới kết hôn).

- Họ và tên: **Nguyễn Tấn Nhàn** Ngày tháng năm sinh: 03/04/1965

- Nghề nghiệp: Giáo viên

- Nơi làm việc[4]: Trường Trung học cơ sở Phú Thọ, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- Nơi thường trú: 594 Ấp a, xã Phú Cường, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 087065000375 ngày cấp 01/4/2021 nơi cấp Công an Đồng Tháp.

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất: **Không có.**

- Họ và tên:..... Ngày tháng năm sinh: .....

- Nơi thường trú: .....

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: ..... ngày cấp..... nơi cấp .....

3.2. Con thứ hai (trở lên): **Không có.**

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN[5]

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất[6]:

1.1. Đất ở[7]:

1.1.1. Thửa thứ nhất: **Không có.**

- Địa chỉ[8]:
- Diện tích[9]:
- Giá trị[10]:
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng[11]:
- Thông tin khác (nếu có)[12]:

1.1.2. Thửa thứ 2 (trở lên): **Không có.**

1.2. Các loại đất khác[13]:

1.2.1. Thửa thứ nhất: **Không có.**

- Loại đất:..... Địa chỉ: .....
- Diện tích: .....
- Giá trị[10]: .....
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: .....
- Thông tin khác (nếu có): .....

1.2.2. Thửa thứ 2 (trở lên): **Không có.**

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất: **Không có.**

- Địa chỉ:.....
- Loại nhà [14]: ....
- Diện tích sử dụng [15]: .....
- Giá trị [10]: .....
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: .....
- Thông tin khác (nếu có): .....

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): **Không có.**

2.2. Công trình xây dựng khác[16]:

2.2.1. Công trình thứ nhất: **Không có.**

- Tên công trình:..... Địa chỉ: .....
- Loại công trình:..... Cấp công trình: .....
- Diện tích: .....
- Giá trị [10]: .....
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: .....
- Thông tin khác (nếu có): .....

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): **Không có.**

3. Tài sản khác gắn liền với đất[17]:

3.1. Cây lâu năm[18]: **Không có.**

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị[10]: .....
- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị[10]: .....

3.2. Rừng sản xuất[19]: **Không có.**

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị[10]: .....
- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị[10]: .....

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất: **Không có.**

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị[10]: .....
- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị[10]: .....

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên[20]. **Không có.**

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên[21]. **Không có.**

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu: **Không có.**

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....
- Tên cổ phiếu:.....Số lượng:..... Giá trị: .....

6.2. Trái phiếu: **Không có.**

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....
- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

6.3. Vốn góp[22]: **Không có.**

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....
- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác[23]: **Không có.**

- Tên giấy tờ có giá: ..... Giá trị:.....
- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tầu bay, tầu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)[24]:

- Tên tài sản: Xe gắn máy Số đăng ký: 66 C1 300.65 Giá trị: 70.000.000 đồng

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị: .....

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)[25]: **Không có.**

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị: .....

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị: .....

8. Tài sản ở nước ngoài[26]. **Không có.**

9. Tài khoản ở nước ngoài[27]: **Không có.**

- Tên chủ tài khoản: ....., số tài khoản: .....

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản: .....

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai[28]:

- Tổng thu nhập của người kê khai:

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng):

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên:

- Tổng các khoản thu nhập chung:

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM [29] *(nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):*

Loại tài sản, thu nhập	Tăng [30]/giảm [31]		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50			

triệu đồng trở lên. 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác 7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tầu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...). 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác). 8. Tài sản ở nước ngoài. 9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai[32].			

Tam Nông, ngày tháng 3 năm 2021
NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)

Nguyễn Văn Mông

Tam Nông, ngày 12 tháng 3 năm 2021
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Lê Thị Sơn Ân